TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:19/2024/HNGĐ-ST Ngày 26-01-2024 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, nơi cư trú: huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, nơi cư trú: huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Chính Mỹ, huyện Thuỷ Nguyên năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nuôi dạy con cái và trong phát triển kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay

chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Tiến Mạnh, sinh ngày 15-8-2008, Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 05-9- 2012, Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 13-7-2014, ly hôn chị T nhận nuôi con chung Nguyễn Tiến Mạnh và Nguyễn Tiến Đạt, đồng ý giao con chung Nguyễn Nhật Minh cho anh K nuôi dưỡng.Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K; giao con chung Nguyễn Tiến Mạnh, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2008, Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2014 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn K kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chính Mỹ huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng năm 2008, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan; căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống chị T và anh K đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị T cung cấp là do bất đồng quan điểm, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo mở phiên họp hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Tiến Mạnh, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2008, Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2012, Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2014, ly hôn chị T nhận nuôi con chung Nguyễn Tiến Mạnh và Nguyễn Tiến Đạt, đồng ý giao con chung Nguyễn Nhật Minh cho anh K nuôi dưỡng, cháu Mạnh và Đạt có nguyện vọng được ở với chị T, cháu Minh có nguyện vọng được ở với anh K nên cần giao con chung Nguyễn Tiến Mạnh, Nguyễn Tiến Đạt cho chị T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Nhật Minh cho anh K nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến Mạnh, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2008, Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2014

cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008957 ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hànhán hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Chính Mỹ (số 32/2008);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai